

BẢN CÔNG KHAI MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU CỦA KIỂU LOẠI XE

1. Thông tin chung

- 1.1. Tên cơ sở sản xuất/ ~~nhập khẩu~~: Công ty hữu hạn chế tạo công nghiệp và gia công chế biến hàng xuất khẩu Việt Nam (VMEP).
 - 1.2. Địa chỉ: Khu phố 5, phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
 - 1.3. Loại xe phương tiện: ~~Xe mô tô 2 bánh~~/Xe gắn máy 2 bánh/~~loại xe khác~~ ⁽¹⁾
 - 1.4. Nhãn hiệu: SYM
 - 1.5. Tên thương mại: ---
 - 1.6. Mã kiểu loại (Số loại): PRITI 50-VHA
 - 1.7. Số giấy chứng nhận⁽²⁾: 10092/VAQ06-01/24-00
- Báo cáo thử nghiệm tiêu thụ nhiên liệu số: 6747 /NETC-M/24/C ngày: 25/04/2024.

2. Thông số kỹ thuật của xe

- 2.1. Khối lượng bản thân: 93 kg
- 2.2. Khối lượng toàn bộ lớn nhất: 223 kg
- 2.3. Động cơ
- 2.3.1. Kiểu động cơ: SYM VMVHA
Loại động cơ: xăng, 4 kỳ, 1 xi lanh, làm mát bằng không khí
- 2.3.2. Thể tích làm việc (Dung tích xy lanh): 49,5 cm³
- 2.3.3. Công suất lớn nhất/số vòng quay: 2,5 kW/ 7500 rpm
- 2.4. Hệ thống cung cấp nhiên liệu: Chế hòa khí/~~phun nhiên liệu~~/khác:⁽¹⁾
- 2.5. Hộp số
- 2.5.1. Điều khiển: ~~Cơ khí~~/⁽¹⁾Tự động.
- 2.5.2. Số lượng tỷ số truyền: Vô cấp.
- 2.5.3. Tỷ số truyền từng cấp số: 3,000~0,750
- 2.6. Tỷ số truyền cuối cùng: 14,270
- 2.7. Lốp
- 2.7.1. Ký hiệu cỡ lốp trực 1: 90/90-10 áp suất: 196 kPa
- 2.7.2. Ký hiệu cỡ lốp trực 2: 90/90-14 áp suất: 221 kPa
- 2.8. Vận tốc thiết kế lớn nhất do cơ sở sản xuất quy định: 47,5 km/h

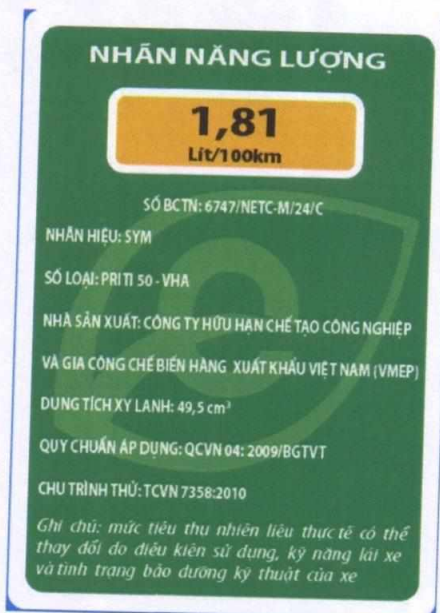


3. Công khai mức tiêu thụ nhiên liệu

3.1. Chu trình thử: ~~TCVN 7357:2010/~~ TCVN 7358:2010/~~TCVN 9726:2013/.....~~ ⁽¹⁾

3.2. Mức tiêu thụ nhiên liệu công khai: 1,81 L/100 km.

4. Mẫu nhãn năng lượng công khai.



5. Ghi chú (nếu có):

.....
.....
.....



Đồng Nai, ngày 15 tháng 07 năm 2024
Công Ty VMEP
Giám Đốc



Huỳnh Văn Chu
HUANG WAN CHU

Ghi chú:

⁽¹⁾ Gạch ngang phần không áp dụng.

⁽²⁾ Đối với xe sản xuất, lắp ráp: số giấy chứng nhận kiểu loại

Đối với xe nhập khẩu: số giấy chứng nhận cấp cho xe nhập khẩu thử nghiệm